

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương của Công ty cổ phần Thủy sản VINATOM

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương của Công ty cổ phần thủy sản VINATOM tại Thông báo kết quả thẩm định số 4565/STNMT-BVMT ngày 09/6/2021; nội dung Báo cáo ĐTM của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 15/CV-MT ngày 15/7/2021 của Công ty CP Thủy sản VINATOM;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 615/Tr-STNMT ngày 26/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương (sau đây gọi là dự án) của Công ty CP thủy sản VINATOM (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty cổ phần Thủy sản VINATOM và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng
Xương, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty CP thủy sản VINATOM.
- + Người đại diện: Đào Duy Cường;
- + Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;
- + Địa chỉ: Số 38, phố Bùi Thị Xuân, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

- Phạm vi: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Nham Thạch, huyện Quảng Xương được xây dựng trên khu đất quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương với tổng diện tích 138.586,8 m² (trong đó, giai đoạn 1: diện tích đất khoảng 83.750,14m²; giai đoạn 2: diện tích đất khoảng 54.836,66m²).

- Quy mô: Xây dựng các hạng mục, bao gồm: San nền; xây dựng nhà điều hành; trồng cây xanh; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường; xây dựng hệ thống xử lý nước thải; đường giao thông; cấp điện, chiếu sáng; phòng cháy chữa cháy và các hạng mục công trình khác.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh khoảng 4,6 m³/ngày (giai đoạn 1) và 4,6 m³/ngày (giai đoạn 2). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 37,2 m³/ngày (giai đoạn 1) và 9,4m³/ngày (giai đoạn 2). Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 32 kg/ngày/giai đoạn thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng bao gồm: Thực vật phát quang (giai đoạn 1: 2,4 tấn; giai đoạn 2: 0,11 tấn); bao bì xi măng (giai đoạn 1: 181,04 kg; giai đoạn 2: 404,96 kg); vật liệu rơi vãi cát, đá (giai đoạn 1: 52,37 tấn/đợt thi công; giai đoạn 2: 39,06 tấn/đợt thi công); đất đào không tận dụng đắp (giai đoạn 1: 19.308,6 m³; giai đoạn 2: 15.513,05 m³),... Thành phần chủ yếu: cây cối, đất, đá, cát, xi măng, sắt, gỗ,...

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 24 kg/đợt thi công giai đoạn 1 và 84kg/đợt thi công giai đoạn 2. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải,...

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 1.016 lít/đợt thi công giai đoạn 1 và 848 lít/đợt thi công giai đoạn 2. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải từ hoạt động của Cụm công nghiệp khoảng 87,08÷258,93 m³/ngày đêm (giai đoạn 1); khoảng 131,24÷382,21 m³/ngày đêm (giai đoạn 1,2). Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, kim loại nặng, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động sản xuất của các nhà máy thành viên, các công trình xử lý chất thải... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃, CH₄,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ Cụm công nghiệp khoảng 1,4 tấn/ngày (giai đoạn 1); khoảng 4,16 tấn/ngày (giai đoạn 1,2). Thành phần chất thải rắn công nghiệp của từng Nhà máy sẽ phụ thuộc vào loại hình, công nghệ cụ thể.

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường có khối lượng phụ thuộc vào số lượng cán bộ, công nhân làm việc tại Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình sản xuất của các nhà sản xuất thành viên bao gồm, các loại chất thải dính dầu mỡ, chất thải chứa kim loại, chất thải từ các công đoạn sơn ... có khối lượng ước tính bằng 10% tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung có khối lượng lớn nhất khoảng 328,5 m³/năm (giai đoạn 1); khoảng 438 m³/năm (giai đoạn 1, 2).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

*** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải rửa tay chân,... được thu gom bằng hố lắng thể tích 36m³/hố (kích thước 4m x 3m x 3m) được xây bằng cách đào hố, sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành để chống thấm. Nước thải sau xử lý sẽ thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Được thu gom bằng 05 nhà vệ sinh di động/giai đoạn, định kỳ 02 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng**

Nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công được thu gom và xử lý bằng 02 hố lắng tạm mỗi hố có thể tích 36m³/hố (kích thước 4m x 3m x 3m). Nước thải sau lắng được sử dụng lại để rửa xe, máy móc, tưới đường dập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe chở xitec dung tích 5,0 m³ để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm nền đường, tưới ẩm đến đó; đặc biệt tại các khu giáp với tuyến đường giao thông sông Lý và tại bãi chứa nguyên vật liệu được tưới với tần suất ít nhất 04 lần/ngày, tần suất có thể tăng thêm vào những ngày nắng, nóng, khô hanh; nước dùng để làm ẩm được lấy sông Lý gần dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Rác thải sinh hoạt được thu gom vào 02 thùng có thể tích 60 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại, hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng.

- Cát, đá rơi vãi được tận dụng làm vật liệu san lấp nền đường thi công. Đất đào bóc phong hóa được Công ty thu gom và vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải đúng theo quy định.

- Các loại chất thải rắn như bìa catton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Công ty trang bị 02 thùng chuyên dụng 200 lít/thùng/giai đoạn để thu gom chất thải nguy hại lỏng, 02 thùng chuyên dụng 50 lít để thu gom chất thải nguy hại rắn. Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có dán nhãn mác, có nắp đậy theo đúng quy định; lượng chất thải rắn nguy hại được lưu trữ tạm tại khu vực riêng có mái che cạnh khu lán trại có diện tích 10,0m².

Định kỳ 01 lần/năm hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

**** Đối với Chủ dự án:***

- Bố trí hệ thống thoát mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng, phân dòng hệ thống xử lý nước thải như sau:

+ Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn, sau đó thải ra sông Yên phía Nam khu vực dự án.

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất từ 150 - 450 m³/ngày đêm; gồm 02 modul,

công suất modul 1: từ $100 \div 300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; modul 2: từ $50 \div 150 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tùy thuộc vào lượng nước thải thực tế phát sinh tại Cụm công nghiệp, Chủ đầu tư sẽ lắp đặt công suất của các modul cụ thể, dao động trong giới hạn cho phép nêu trên).

+ Công nghệ xử lý nước thải là công nghệ hóa, lý kết hợp vi sinh.

+ Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại khu vực bể chứa nước thải sau xử lý trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi với các thông số quan trắc tự động, liên tục bao gồm: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, NH_4^+ .

+ Nước sau khi xử lý phải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B).

- Quy định hàm lượng các chất ô nhiễm đối với nước thải đầu ra của các nhà đầu tư thành viên trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Yêu cầu các nhà đầu tư thành viên phải xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu về hàm lượng các chất ô nhiễm trước khi vào hệ thống xử lý nước thải nước tập trung của Cụm công nghiệp.

*** Đối với các Nhà đầu tư thành viên:**

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/xác nhận, hoàn thành trước khi vận hành; phải thực hiện đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Nước thải phải được xử lý theo điều kiện ghi trong văn bản thỏa thuận với đối với Ban quản lý khai thác hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom của cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ các nhà đầu tư thành viên trong cụm công nghiệp chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học. Cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

*** Đối với Chủ dự án:**

- Đầu tư đồng bộ hệ thống đường giao thông trong cụm công nghiệp, đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Đặt nội quy, quy định các phương tiện xe máy ra, vào khu vực nhà xe phải tắt máy; đối với ô tô khi đã đậu đỗ trong khu vực dự án bắt buộc phải tắt máy để hạn chế khí thải ra môi trường.

- Sử dụng ô tô tưới nước 5,0m³ phun tưới nước trên các tuyến đường giao thông trong cụm công nghiệp với tần suất 02 lần/ngày, những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất này phải được tăng lên.

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các nhà máy thành viên theo quy định hiện hành.

- Xây dựng dải cây xanh cách ly xung quanh cụm công nghiệp với chiều rộng tối thiểu 10m theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

*** Đối với các Nhà đầu tư thành viên:**

- Đầu tư công trình xử lý khí thải theo hồ sơ môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt/xác nhận. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/xác nhận.

- Bố trí tối thiểu 01 cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường để thực hiện các nội dung về trách nhiệm bảo vệ môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với Chủ dự án:

- + Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp;

- + Bố trí xe thu gom, khu vực lưu giữ tập trung chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp;

- + Kiểm tra việc thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp;

- + Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố ga, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp, Ban quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật hợp đồng với Công ty có chức năng để nạo hút với tần suất 12 tháng/lần. Hợp đồng với các đơn vị cấp phép hành nghề đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

- + Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/xác nhận.

- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- + Tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2020 của Chính phủ.

3.2.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Đối với Chủ dự án:

- + Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp; Giới thiệu dịch

vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp.

+ Kiểm tra việc xử lý tuân thủ thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thành viên trong cụm công nghiệp.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn nguy hại theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/xác nhận.

+ Kê khai và đăng ký chủ nguồn thải nguy hại với cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

+ Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại đặt tại nơi thích hợp trong nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý, theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Đối với Chủ dự án:

Yêu cầu các nhà máy thành viên đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, có chỉ số kinh tế - kỹ thuật và định mức tiêu hao nhiên liệu tiên tiến, hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Đối với các Nhà đầu tư thành viên:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân: Quần áo, kính mắt, khẩu trang, nút tai chống ồn. Lắp đặt quạt thông gió tại các khu vực nhà xưởng.

+ Đầu tư lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát tại nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy thành viên.

+ Trồng cây xanh theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát chất lượng khí thải giai đoạn thi công xây dựng dự án

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí.

+ KK1: Một điểm tại khu vực lán trại của dự án.

+ KK2: Một điểm tại trung tâm thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp

xúc cho phép của bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, SS, BOD₅, COD, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, tổng phốt pho (theo P), Coliform.

- *Vị trí giám sát:* NT - Một mẫu nước thải sau hố lắng rửa xe tại khu vực lán trại.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 40: 2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm/vận hành thương mại.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, NO₂, SO₂.

- *Vị trí giám sát:* 03 vị trí.

+ KK1, KK2: Tại hệ thống xử lý NTTT modul 1, 2 của Cụm công nghiệp.

+ KK3: Tại khu vực tập kết CTR của Cụm công nghiệp.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b. Giám sát chất lượng nước thải:

b1. Giám sát tự động:

- *Tần suất:* Liên tục 24 h.

- *Thông số:* lưu lượng đầu vào, đầu ra; nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

Các dữ liệu giám sát sẽ được truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

b2. Giám sát định kỳ:

- *Chỉ tiêu giám sát:* BOD₅, dầu mỡ khoáng, tổng N, tổng P, Clo dư, hàm lượng As, Pb, Cd, Hg, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 4 vị trí.

+ NT 1: Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý NTTT modul 1;

+ NT 2: Nước thải đầu vào của hệ thống xử lý NTTT modul 2;

+ NT 3: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý NTTT modul 1;

+ NT 4: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý NTTT modul 2;

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

c. Giám sát chất lượng bùn thải

- *Vị trí giám sát:* 1 vị trí (Lấy tại bể xử lý bùn).

- *Chỉ tiêu giám sát:* hàm lượng As, Fe, Pb, Hg.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại của các thông số trong bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước.

d. Tần suất giám sát:

- *Giai đoạn vận hành thử nghiệm:* Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất với tần suất 15 ngày/lần (trong vòng 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm); giai đoạn vận hành ổn định với tần suất 01 ngày/lần (trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất).

- *Giai đoạn vận hành thương mại:* 03 tháng/lần. /.